



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...58.../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC riêng năm 2016

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

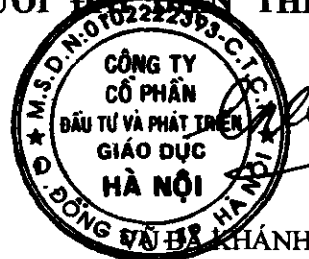
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng năm 2016 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 15/03/2017).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...59.../HEID-CV

V/v: Giải trình chênh lệch tăng LNST
của năm 2016 so với năm 2015

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính riêng của năm 2016 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Tuy nhiên một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2016 có tăng hơn so với năm 2015 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

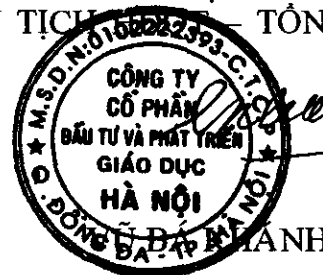
Năm 2016, Công ty tổ chức bán thảo, in ấn và phát hành thêm được một số dòng sản phẩm mới do đó mang lại tổng doanh thu năm 2016 tăng hơn năm 2015, dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2016 cao hơn năm 2015 là 3,6 tỷ đồng (tương ứng tăng sấp xỉ 11,6%).

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC;

KT. CHỦ TỊCH HĐQT *[Signature]*
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản Trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng Ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỒ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

- nh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

M Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016



Số: 575 /2017/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017 từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hàng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		273.902.249.957	241.610.080.835
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	46.212.417.163	33.950.274.033
111	1. Tiền		16.212.417.163	13.950.274.033
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	18.992.150	15.989.800
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(99.784.250)	(102.786.600)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		73.470.701.948	58.864.239.379
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	47.274.936.907	39.172.459.207
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	29.869.746.653	24.970.860.956
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	336.312.125	572.994.650
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.010.293.737)	(5.852.075.434)
140	IV. Hàng tồn kho	9	143.386.860.350	133.648.254.396
141	1. Hàng tồn kho		157.004.331.520	144.568.996.064
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.617.471.170)	(10.920.741.668)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.813.278.346	15.131.323.227
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	10.107.581.065	14.777.193.810
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	54.986.516
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	705.697.281	299.142.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		182.807.993.765	159.652.484.617
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		225.800.000	4.139.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	225.800.000	4.139.800.000
220	II. Tài sản cố định		7.002.845.583	3.292.468.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.002.845.583	3.292.468.253
222	- Nguyên giá		10.717.490.857	6.736.372.484
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.714.645.274)	(3.443.904.231)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.895.711.818	4.999.011.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	5.895.711.818	4.999.011.818
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	165.320.000.000	140.675.750.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		127.682.000.000	127.682.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	12.243.750.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.581.750.000	750.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.363.636.364	6.545.454.546
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.363.636.364	6.545.454.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		456.710.243.722	401.262.565.452

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

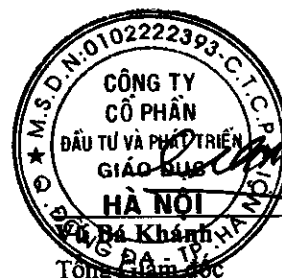
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		221.010.236.754	177.359.232.543
310	I. Nợ ngắn hạn		221.010.236.754	177.359.232.543
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	61.555.120.917	55.427.793.914
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	339.965.231	7.548.472
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	205.166.628	676.024.135
314	4. Phải trả người lao động		10.717.931.612	7.843.188.004
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	23.515.311.859	20.145.702.828
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	156.404.596	466.840.098
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	119.095.029.766	88.211.121.788
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.425.306.145	4.581.013.304
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		235.700.006.968	223.903.332.909
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	235.700.006.968	223.903.332.909
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		41.745.936.703	34.253.245.110
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.593.784.094	11.841.038.561
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.414.630.223	25.863.393.290
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		24.538.437.460	21.987.200.527
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		456.710.243.722	401.262.565.452

Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	522.300.190.055	473.897.618.137
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	14.396.847.033	7.402.094.172
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		507.903.343.022	466.495.523.965
11	4. Giá vốn hàng bán	23	368.195.544.813	351.434.139.360
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch		139.707.798.209	115.061.384.605
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.388.937.601	1.926.533.543
22	7. Chi phí tài chính	25	7.451.300.563	7.085.567.264
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.333.695.064	6.923.020.505
25	8. Chi phí bán hàng	26	54.494.243.925	47.547.810.334
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	34.828.512.485	22.203.926.812
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.322.678.837	40.150.613.738
31	11. Thu nhập khác	28	715.068.003	113.015.395
32	12. Chi phí khác	29	780.023.475	101.063.066
40	13. Lợi nhuận khác		(64.955.472)	11.952.329
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.257.723.365	40.162.566.067
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	9.202.812.707	8.752.279.601
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		35.054.910.658	31.410.286.466



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		44.257.723.365	40.162.566.067
	2. Điều chỉnh cho các khoản		7.387.646.516	13.780.905.387
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		1.064.678.043	523.082.476
03	- Các khoản dự phòng		851.945.455	8.284.063.222
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.862.672.046)	(1.949.260.816)
06	- Chi phí lãi vay		7.333.695.064	6.923.020.505
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.645.369.881	53.943.471.454
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.126.146.265)	(3.978.040.639)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(12.435.335.456)	(55.054.749.869)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.161.154.464	24.998.395.769
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.851.430.927	(1.594.599.013)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.320.774.744)	(6.925.595.435)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.459.797.681)	(8.613.484.782)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		44.000.000	145.488.640
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.528.332.647)	(4.846.101.393)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.831.568.479	(1.925.215.268)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(5.671.755.373)	(3.666.065.455)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		481.818.181	22.727.273
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(24.644.250.000)	(2.070.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.600.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.380.853.865	1.365.283.543
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.453.333.327)	251.945.361
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	5.122.365.948
33	2. Tiền thu từ đi vay		291.368.356.468	321.041.488.985
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(260.484.448.490)	(320.888.436.555)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.000.000.000)	(17.482.320.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		12.883.907.978	(12.206.901.622)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.262.143.130	(13.880.171.529)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		33.950.274.033	47.830.445.562
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>46.212.417.163</u>	<u>33.950.274.033</u>

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND; Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

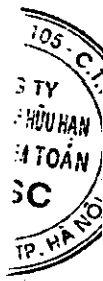
2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng



Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.14. Chi phí phi vay

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tchi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ... Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên

tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	408.254.730	63.503.178
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.804.162.433	13.886.770.855
Các khoản tương đương tiền ^[1]	30.000.000.000	20.000.000.000
	<u>46.212.417.163</u>	<u>33.950.274.033</u>

^[1]Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng giá trị 30.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam với lãi suất 4,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết ^[1]						
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (STL)	74.600.000	3.450.000	(71.150.000)	74.600.000	4.800.000	(69.800.000)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (PHH)	22.400.000	8.160.000	(14.240.000)	22.400.000	5.520.000	(16.880.000)
Cổ phiếu đã niêm yết ^[2]						
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	21.500.000	7.343.750	(14.156.250)	21.500.000	5.625.000	(15.875.000)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	276.400	38.400	(238.000)	276.400	44.800	(231.600)
	118.776.400	18.992.150	(99.784.250)	118.776.400	15.989.800	(102.786.600)

^[1] Giá trị hợp lý của cổ phiếu STL và cổ phiếu PHH được xác định bằng giá giao dịch bình quân trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2016.

^[2] Giá trị hợp lý của cổ phiếu LSS được xác định bằng giá giao dịch bình quân trên sàn HNX tại ngày 31/12/2016, giá trị hợp lý của cổ phiếu QNC được xác định bằng giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2016.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	127.682.000.000	-	127.682.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	2.682.000.000	-	2.682.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	14.056.250.000	-	12.243.750.000	-
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây ^[1]	14.056.250.000	-	12.243.750.000	-
Các khoản đầu tư khác	23.581.750.000	-	750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ^[2]	1.212.500.000	-	750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam ^[3]	12.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục ^[4]	10.369.250.000	-	-	-
	165.320.000.000	-	140.675.750.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

^[1] Trong năm, Công ty đã mua thêm 125.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2016 ngày 04/01/2016 với giá 14.500 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 1.812.500.000 VND. Do đó, Tổng số cổ phần của Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2016 là 950.000 cổ phần (tương ứng 46,34%).

^[2] Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội đã thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ: đối với cổ đông hiện hữu sở hữu 60 cổ phiếu sẽ được mua 37 cổ phiếu phát hành thêm. Trước đó, Công ty đã sở hữu 75.000 cổ phiếu nên đã thực hiện mua thêm theo số cổ phiếu được phân bổ là 46.250 cổ phiếu, tương đương với giá trị 462.500.000 VND.

^[3] Thực hiện theo Nghị quyết số 05-2016/NQ-HĐQT ngày 21/07/2016 của Hội đồng Quản trị, về việc góp vốn để thành lập mới Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản sách thiết bị trường học Việt Nam, Công ty đã chuyển tiền góp vốn với tổng số tiền là 12 tỷ VND (tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 11,038%).

^[4] Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục từ Ông Nguyễn Quang Vinh, Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Bà Đinh Thị Lan Anh, Ông Nguyễn Mạnh Hà theo các hợp đồng chuyển nhượng, tổng số cổ phần đã nhận chuyển nhượng là 1.091.500 cổ phần, với giá 1 cổ phần là 9.500 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 10.369.250.000 VND.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	100%	100%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 35.

Đầu tư vào đơn vị khác:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,850%	4,850%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam	Hà Nội	11,038%	11,038%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,030%	10,030%	Quản lý, khai thác và kinh doanh BĐS; Đầu tư tài

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	5.167.999.415	6.976.851.025
- Công ty CP sách và thiết bị trường học Sơn La	9.523.992.817	1.354.763.965
- Các khoản phải thu khách hàng khác	32.582.944.675	30.840.844.217
	47.274.936.907	39.172.459.207
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	6.417.449.709	7.682.927.965

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dịch Vụ Thiên Nhân Việt	3.000.000.000	-	-	-
Nhà Máy in Bộ tổng tham mưu	9.210.002.705	-	11.232.063.551	-
Trả trước cho người bán khác	17.659.743.948	-	13.738.797.405	-
	29.869.746.653	-	24.970.860.956	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	270.720.000	-	208.000.000	-
Phải thu Ông Hoàng Văn Vân	-	-	146.286.000	-
Các khoản phải thu khác	65.592.125	-	218.708.650	-
	336.312.125	-	572.994.650	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	225.800.000	-	39.800.000	-
Phải thu về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[1]	-	-	4.100.000.000	-
	225.800.000	-	4.139.800.000	-

^[1] Do không tiếp tục việc thực hiện hợp tác đầu tư thành lập Quỹ đầu tư xuất bản nên Công ty và Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 01/2016/BBTLHĐ ngày 31/8/2016. Theo đó, Công ty đã nhận lại toàn bộ số tiền đã đóng góp.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	3.550.780.643	2.853.370.229	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.360.153.340	680.076.670	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	5.167.999.415	4.661.130.047	6.976.851.025	2.882.027.749
Các đối tượng khác	5.326.557.841	3.200.620.556	1.908.555.454	151.303.296
	15.405.491.239	11.395.197.502	8.885.406.479	3.033.331.045

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc vẫn đang tìm mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ (100%) các khoản nợ phải thu khó đòi này.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	43.083.473.609	-	48.971.627.871	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.532.545.040	-	15.807.060.351	-
Thành phẩm ^[1]	31.798.972.523	13.617.471.170	26.211.108.432	4.996.817.636
Hàng hoá	53.359.069.131	-	39.763.850.694	5.923.924.032
Hàng gửi đi bán	14.230.271.217	-	13.815.348.716	-
	157.004.331.520	13.617.471.170	144.568.996.064	10.920.741.668

^[1] Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm, hàng hóa được trích lập thêm do giá trị các loại Sách chậm luân chuyển, do thay đổi nội dung chương trình giảng dạy, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý tăng so với thời điểm đầu năm. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

110:
 NG T
 HIEM H
 KIEM
 AS
 KIEM-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	9.388.671.974	8.374.560.713
- Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	216.900.000	308.749.090
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bán chờ phân bổ ^[2]	502.009.091	6.093.884.007
	10.107.581.065	14.777.193.810
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê kho ^[3]	4.363.636.364	6.545.454.546
	4.363.636.364	6.545.454.546

^[1] Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối năm).

^[2] Phí bán thảo, phí quản lý xuất bán được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

^[3] Đây là chi phí thuê kho ở Bộ tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.319.939.480	416.433.004	6.736.372.484
- Mua trong năm	4.681.328.100	93.727.273	4.775.055.373
- Thanh lý, nhượng bán	(793.937.000)	-	(793.937.000)
Số dư cuối năm	10.207.330.580	510.160.277	10.717.490.857
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.099.953.248	343.950.983	3.443.904.231
- Khấu hao trong năm	1.023.438.456	41.239.587	1.064.678.043
- Thanh lý, nhượng bán	(793.937.000)	-	(793.937.000)
Số dư cuối năm	3.329.454.704	385.190.570	3.714.645.274
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.219.986.232	72.482.021	3.292.468.253
Tại ngày cuối năm	6.877.875.876	124.969.707	7.002.845.583

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.107.097.302 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	5.595.711.818	4.699.011.818
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	5.895.711.818	4.999.011.818

^[1] Góp vốn theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa các bên Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất:

- Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án;
- Phần vốn tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;
- Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án.

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án theo các công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (theo Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐGV ngày 1/7/2014) là 1.271.061.818 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2015 là 4.699.011.818 VND.

Trong năm 2016, Công ty đã tiếp tục ứng số tiền thực hiện dự án là 896.700.000 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2016 là 5.595.711.818 VND.

^[2] Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa". Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.



13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	31.955.468.727	31.955.468.727	24.984.057.772	24.984.057.772
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	3.946.059.529	3.946.059.529	12.934.149.027	12.934.149.027
- Phải trả cho các đối tượng khác	25.653.592.661	25.653.592.661	17.509.587.115	17.509.587.115
	61.555.120.917	61.555.120.917	55.427.793.914	55.427.793.914
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	40.972.434.941	40.972.434.941	43.022.802.018	43.022.802.018

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.061.203.968	1.856.037.340	-	205.166.628
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	251.271.392	9.202.812.707	9.459.797.681	5.713.582	-
Thuế thu nhập cá nhân	291.299.901	424.752.743	4.389.173.436	5.217.766.977	695.140.699	-
Các loại thuế khác	7.843.000	-	3.000.000	-	4.843.000	-
	299.142.901	676.024.135	15.656.190.111	16.533.601.998	705.697.281	205.166.628

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hải Phòng	73.904.100	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Ninh Bình	57.994.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	57.727.199	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	150.339.932	7.548.472
	339.965.231	7.548.472

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	112.229.306	99.308.986
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản, công in	21.004.837.213	15.004.246.266
Trích trước chi phí chiết khấu phát hành	789.994.000	4.258.149.466
Trích trước chi phí vận chuyển	120.012.240	321.830.837
Chi phí phải trả khác	1.488.239.100	462.167.273
	23.515.311.859	20.145.702.828

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	146.576.212	246.614.658
Nhận ký quỹ, ký cược	-	145.488.640
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.828.384	74.736.800
	156.404.596	466.840.098



18. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^[1]	81.737.213.814	81.737.213.814	223.432.633.881	221.553.534.564	83.616.313.131	83.616.313.131
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ^[2]	-	-	29.760.716.635	-	29.760.716.635	29.760.716.635
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam ^[3]	6.473.907.974	6.473.907.974	38.175.005.952	38.930.913.926	5.718.000.000	5.718.000.000
	88.211.121.788	88.211.121.788	291.368.356.468	260.484.448.490	119.095.029.766	119.095.029.766

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2016	01/01/2016
				VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	5,50%	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	83.616.313.131	81.737.213.814
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng thời điểm	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	5.718.000.000	6.473.907.974
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	VND	5,50%	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	29.760.716.635	-
				119.095.029.766	88.211.121.788

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	28.757.414.296	10.270.524.238	23.713.314.930	209.564.543.464
Tăng do tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	1.932.783.050	3.200.876.950	-	-	-	5.133.660.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	31.410.286.466	31.410.286.466
Chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	-	(17.482.320.000)	(17.482.320.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	2.354.802.166	-	(2.354.802.166)	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	-	3.141.028.648	1.570.514.323	(4.711.542.971)	-
Tạm trích lập quỹ khác theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	-	(4.711.542.969)	(4.711.542.969)
Chi phí tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(11.294.052)	-	-	-	-	(11.294.052)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	-	34.253.245.110	11.841.038.561	25.863.393.290	223.903.332.909
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	-	34.253.245.110	11.841.038.561	25.863.393.290	223.903.332.909
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	35.054.910.658	35.054.910.658
Trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.987.200.527	-	(3.987.200.527)	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	-	3.505.491.066	1.752.745.533	(5.258.236.599)	-
Tạm trích lập quỹ khác theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	-	(5.258.236.599)	(5.258.236.599)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	-	41.745.936.703	13.593.784.094	28.414.630.223	235.700.006.968

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2016, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh năm 2015 Báo cáo tài chính riêng sau thuế		31.410.286.466
Đã tạm phân phối trong năm 2015		9.423.085.940
- Bổ sung quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.570.514.323
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.141.028.646
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.570.514.323
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.141.028.648
Phân phối lợi nhuận năm 2015 còn lại trong năm 2016		21.987.200.527
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển		3.987.200.527
- Chi trả cổ tức	12%/Cổ phần	18.000.000.000
Lợi nhuận năm 2015 còn lại chưa phân phối		-

Căn cứ theo phương án dự kiến phân chia kết quả kinh doanh năm 2016 Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2016, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		35.054.910.658
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.505.491.066
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.505.491.066
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.752.745.533
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.752.745.533
Lợi nhuận năm 2016 còn lại chưa phân phối		24.538.437.460

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	12.083.890.000	8,06%	12.083.890.000	8,06%
Các cổ đông khác	77.670.110.000	51,78%	77.670.110.000	51,78%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	17.482.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.000.000.000	17.482.320.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	41.745.936.703	34.253.245.110
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.593.784.094	11.841.038.561
	55.339.720.797	46.094.283.671

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
- Từ 1 năm trở xuống	7.887.158.182	5.048.844.545
- Từ 1 năm đến 5 năm	14.417.200.000	18.385.185.455
- Trên 5 năm	6.107.215.909	6.107.215.909

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	260.554.389.054	241.583.464.645
Doanh thu bán lịch Block	2.773.578.220	3.563.073.382
Doanh thu bán sách tham khảo	188.423.861.923	166.200.528.157
Doanh thu bán vật tư	41.579.772.540	44.074.313.813
Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	28.968.588.318	18.476.238.140
	522.300.190.055	473.897.618.137
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	123.961.091.414	114.524.584.091

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.925.270.460	5.551.849.045
Hàng bán bị trả lại	6.471.576.573	1.850.245.127
	14.396.847.033	7.402.094.172

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	175.100.497.647	165.814.920.604
Giá vốn bán lịch Block	2.479.328.756	2.971.471.125
Giá vốn bán sách tham khảo	134.935.783.541	114.805.548.144
Giá vốn bán vật tư	42.239.033.152	45.885.204.410
Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	10.744.172.215	13.982.843.215
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.696.729.502	7.974.151.862
	368.195.544.813	351.434.139.360

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	390.478.865	236.044.793
Lãi bán các khoản đầu tư	-	600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	990.375.000	1.090.488.750
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	8.083.736	-
	1.388.937.601	1.926.533.543

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.333.695.064	6.923.020.505
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	119.179.400	160.295.300
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(3.002.350)	514.100
Chi phí tài chính khác	1.428.449	1.737.359
	7.451.300.563	7.085.567.264

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.549.227	40.690.787
Chi phí nhân công	18.085.885.254	15.961.411.561
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	277.292.409	231.275.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.644.180	84.200.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.739.045.922	21.111.953.615
Chi phí khác bằng tiền	14.361.826.933	10.118.277.777
	54.494.243.925	47.547.810.334

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.759.091.291	1.822.359.015
Chi phí nhân công	13.284.655.120	6.626.471.562
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	542.168.181	79.652.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.059.033.863	438.881.857
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.841.781.697)	309.397.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.245.662.879	7.133.065.814
Chi phí khác bằng tiền	9.776.682.848	5.791.099.277
	34.828.512.485	22.203.926.812

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	481.818.181	22.727.273
Các khoản khác	233.249.822	90.288.122
	715.068.003	113.015.395

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	140.988.505	63.430.626
Các khoản khác	639.034.970	37.632.440
	780.023.475	101.063.066

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	44.257.723.365	40.162.566.067
Các khoản điều chỉnh tăng	439.367.695	512.275.134
- Chi phí khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ VND	151.712.522	46.000.000
- Các khoản tiền phạt	140.988.505	124.052.926
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	146.666.668	342.222.208
Các khoản điều chỉnh giảm	(990.375.000)	(1.090.488.750)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(990.375.000)	(1.090.488.750)
Thu nhập chịu thuế TNDN	43.706.716.060	39.584.352.451
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.741.343.212	8.708.557.539
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	461.469.495	43.722.062
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	251.271.392	112.476.573
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.459.797.681)	(8.613.484.782)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(5.713.582)	251.271.392

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	152.979.825.462	148.333.421.027
Chi phí nhân công	31.370.540.374	22.587.883.123
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	819.460.590	310.928.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.064.678.043	523.082.476
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(1.841.781.697)	309.397.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.065.289.686	86.146.903.390
Chi phí khác bằng tiền	24.138.509.781	39.369.883.542
	327.599.522.239	297.584.498.820

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong đương tiền	46.212.417.163	-	33.950.274.033	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.837.049.032	(4.010.293.737)	43.885.253.857	(5.852.075.434)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(99.784.250)	118.776.400	(102.786.600)
Đầu tư dài hạn	23.581.750.000	-	750.000.000	-
	117.749.992.595	(4.110.077.987)	78.704.304.290	(5.954.862.034)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	119.095.029.766	88.211.121.788
Phải trả người bán, phải trả khác	61.711.525.513	55.894.634.012
Chi phí phải trả	23.515.311.859	20.145.702.828
	204.321.867.138	164.251.458.628

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.212.417.163	-	46.212.417.163
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.600.955.295	225.800.000	43.826.755.295
Đầu tư ngắn hạn	18.992.150	-	18.992.150
Đầu tư dài hạn	-	23.581.750.000	23.581.750.000
Cộng	89.832.364.608	23.807.550.000	113.639.914.608
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.950.274.033	-	33.950.274.033
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.893.378.423	4.139.800.000	38.033.178.423
Đầu tư ngắn hạn	15.989.800	-	15.989.800
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	750.000.000
Cộng	67.859.642.256	4.889.800.000	72.749.442.256

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Cộng
	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016		
Vay và nợ	119.095.029.766	119.095.029.766
Phải trả người bán, phải trả khác	61.711.525.513	61.711.525.513
Chi phí phải trả	23.515.311.859	23.515.311.859
	204.321.867.138	204.321.867.138
Tại ngày 01/01/2016		
Vay và nợ	88.211.121.788	88.211.121.788
Phải trả người bán, phải trả khác	55.894.634.012	55.894.634.012
Chi phí phải trả	20.145.702.828	20.145.702.828
	164.251.458.628	164.251.458.628

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 11/01/2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01-2017/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt, cụ thể như sau :

- Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến : 08/02/2017;
- Tỷ lệ thanh toán đối với cổ phiếu phổ thông : 12%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.200 VND);
- Thời gian thanh toán dự kiến : 03/04/2017.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Góp vốn vào Công ty			
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	-	2.070.000.000
Vay từ Công ty Con			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	-	1.000.000.000

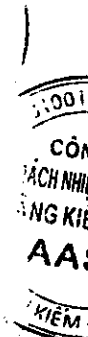
	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	529.940.666	247.163.006
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	37.902.273	6.450
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	40.248.772	1.111.635.228
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	25.522.987.532	21.631.656.480
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	2.226.590	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	15.440.189.514	12.600.357.590
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	8.004.434.036	8.200.887.032
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	9.483.046.939	6.279.607.282
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	19.193.067	3.778.600
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	2.049.273	95.835.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.966.508.167	6.217.654.235
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	39.761.328.158	46.378.505.852
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	-	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	3.077.595.477	2.895.565.388
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.522.080.995	3.964.637.643
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	5.900.000	8.394.043
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	-	1.304.667.619
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	10.998.564.846	137.530.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	698.560.005	2.958.293.669
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	2.848.335.104	488.414.924
Chi phí thuê văn phòng, dịch vụ khác			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	4.176.750.884	1.138.736.140
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.074.654.544	264.436.363
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	376.440.000	352.240.000

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua vật tư, phí tổ chức, quản lý xuất bản			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	-	5.909.091
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	5.242.860.812	4.403.166.384
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	35.339.801.141	35.595.991.534
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	-	40.203.504
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	23.205.410	4.810.000
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	459.269.823	371.530.041
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	178.307.290	21.444.700
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	533.801.076	289.475.624
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	118.307.460	750.102.040
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	3.379.332.802	10.261.742.719
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.584.739.985	2.316.865.016
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	5.475.000.000	5.134.400.960
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	129.597.081	389.326.419
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.305.640.717	6.775.058.187
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	-	5.571.429
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.638.146.152	10.729.468.980
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	373.310.420	21.561.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	825.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	105.000.000	112.500.000
Lãi vay phải trả trong năm			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	1.486.884.983	1.248.511.892



Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	1.029.524.168	1.959.027.063
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	1.568.873.050
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	178.905.284	462.824.789
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	74.061.376	171.790.780
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	1.463.226.844	990.499.074
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.020.830.039	117.512.085
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	76.519.344	280.000.564
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.360.153.340	1.360.153.340
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	762.692.087	233.984.757
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	451.537.227	499.556.663
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	-	38.705.800
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	31.955.468.727	24.984.057.772
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	3.132.443.639	2.459.647.053
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	3.946.059.529	12.934.149.027
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	271.253.252	-
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	30.215.740	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	281.768.000	-
Công ty CP Sách Đại học và Dạy nghề		75.401.076	-
Công ty CP Sách Dân tộc		10.240.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.269.584.978	1.016.931.216
Công ty Cổ phần Học Liệu	Cùng Tập đoàn	-	1.079.400.960
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	548.615.990
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	5.714.728



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	2.999.184.340	1.886.003.276

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Lương Ngọc Bích
Người lập biểu



Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

